MOIT

IGIP

EMBASSY OF DENMARK
Hanoi

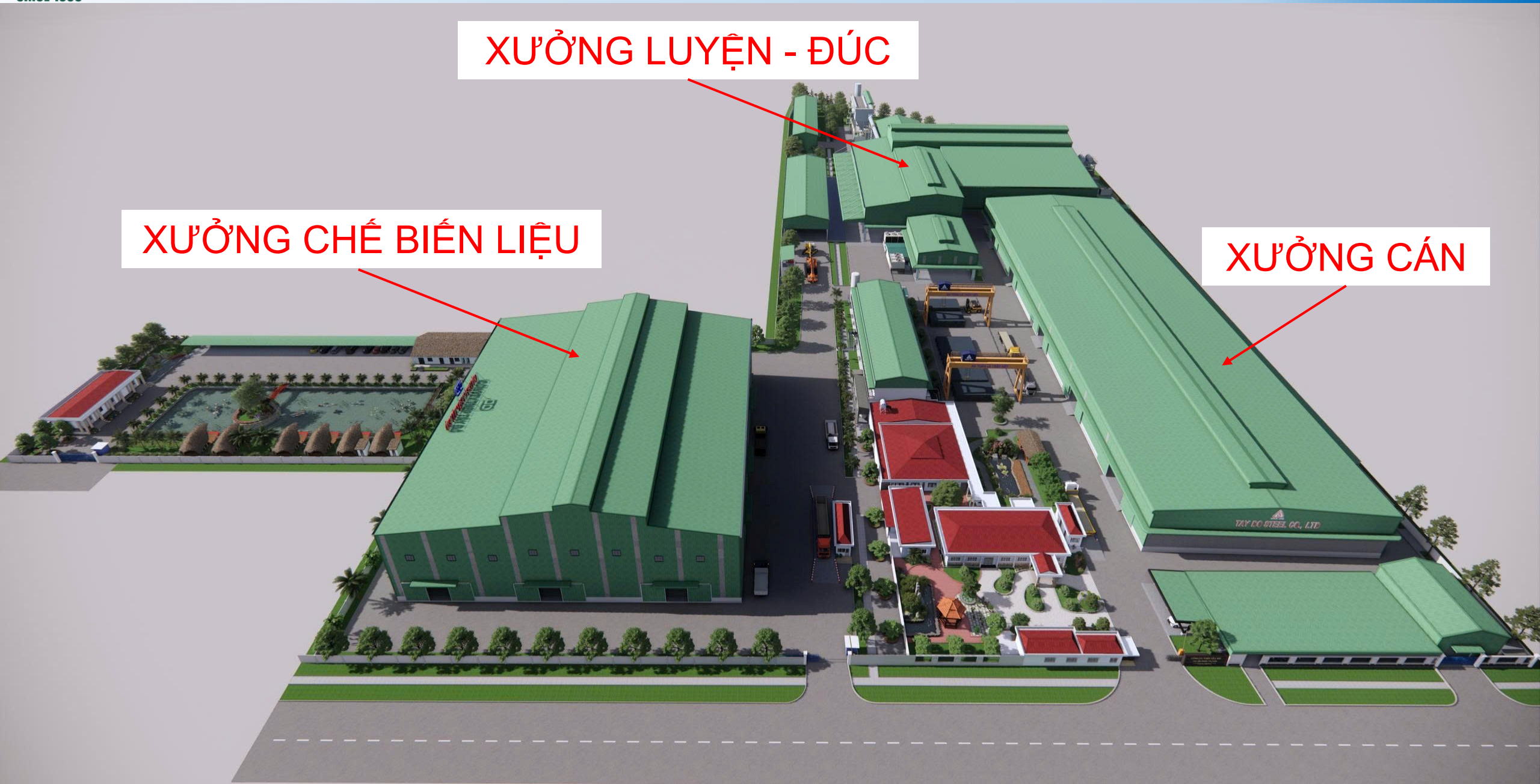
Danish Energy Agency

HỘI THẢO CHIA SẺ KINH NGHIỆM

CÔNG TY TNHH THÉP TÂY ĐÔ (TSC)

THÉP TÂY ĐÔ
THÉP ĐÃ TÔI THẾ ĐẤY
SINCE 1995

I. GIỚI THIỆU VỀ THÉP TÂY ĐÔ (TSC)



THÉP TÂY ĐÔ
THÉP ĐÃ TÔI THẾ ĐẤY
SINCE 1995

I. GIỚI THIỆU VỀ THÉP TÂY ĐÔ (TSC)

- Với 30 năm kinh nghiệm, Thép Tây Đô không ngừng đầu tư vào trang thiết bị và công nghệ hiện đại.
- Chúng tôi đã đạt các chứng nhận ISO nhằm khẳng định cam kết về chất lượng và trách nhiệm với môi trường cũng như việc sử dụng năng lượng.

International Organization for Standardization
ISO
9001:2015

International Organization for Standardization
ISO
14001:2015

ISO
ISO 50001
ENERGY MANAGEMENT

THÉP TÂY ĐÔ
THÉP ĐÃ TÔI THẾ ĐẤY
SINCE 1995

I. GIỚI THIỆU VỀ THÉP TÂY ĐÔ (TSC)

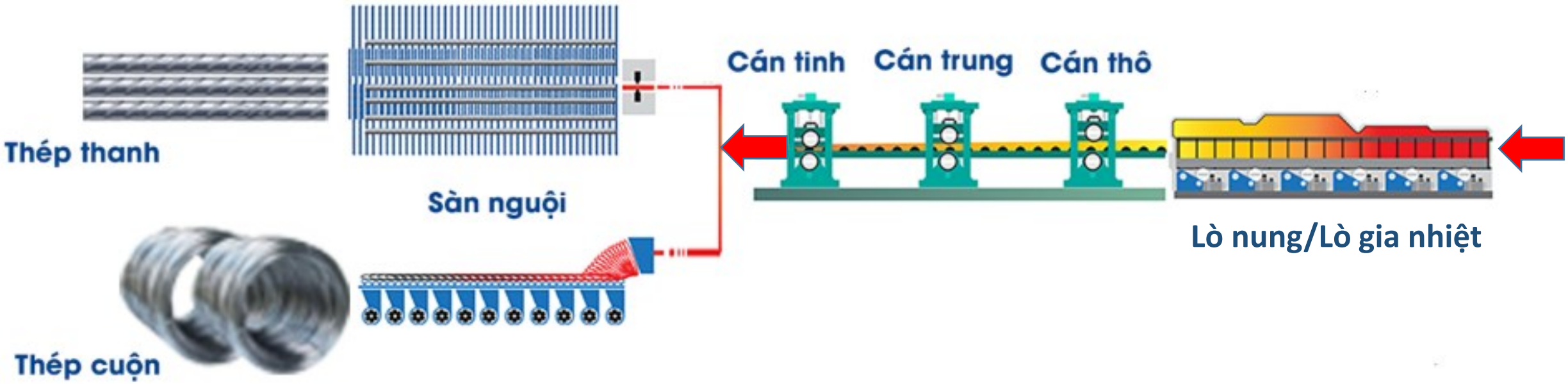





CÁC SẢN PHẨM CHÍNH

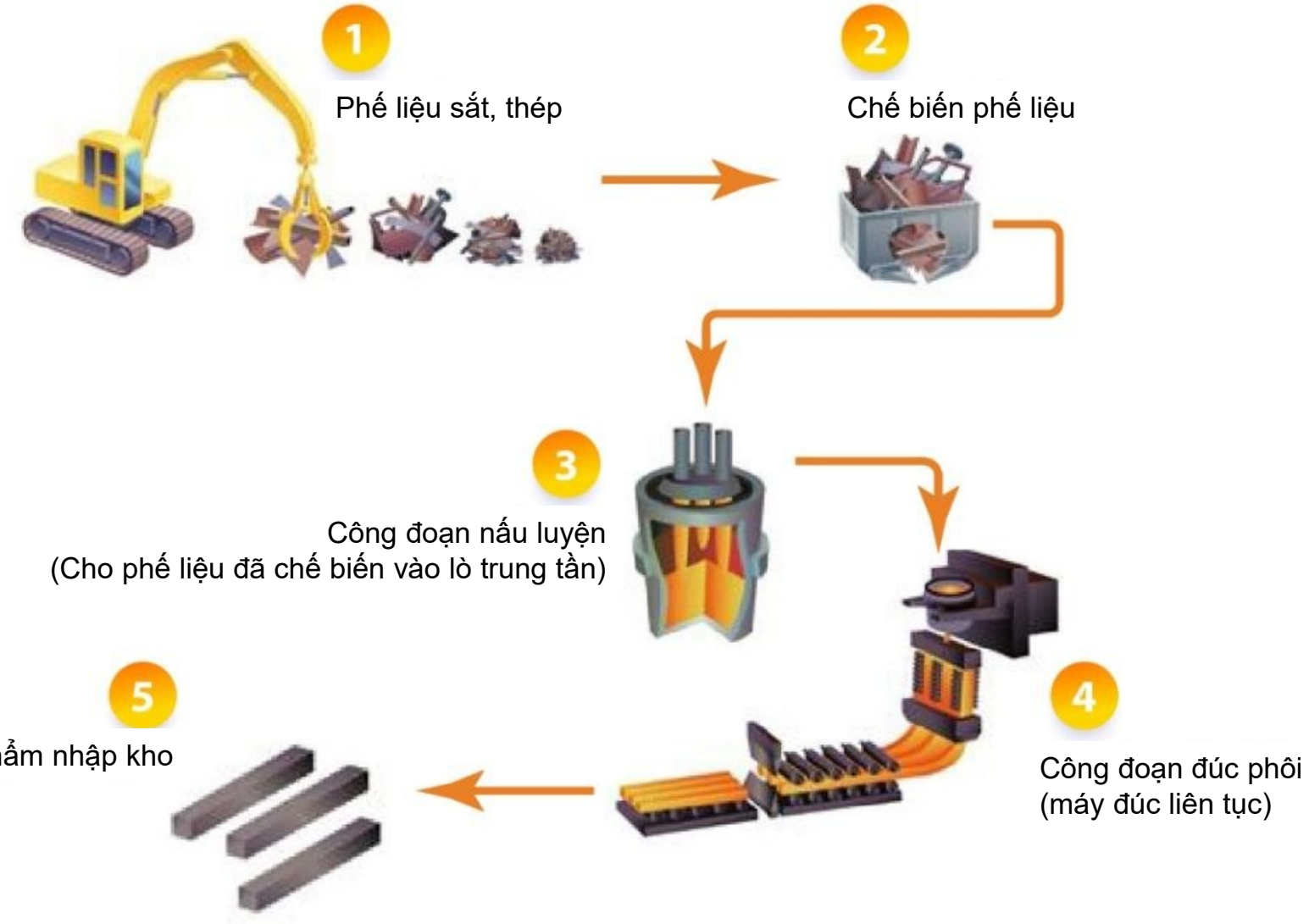
I. GIỚI THIỆU VỀ THÉP TÂY ĐÔ (TSC)

Quy trình sản xuất thép thanh, thép cuộn



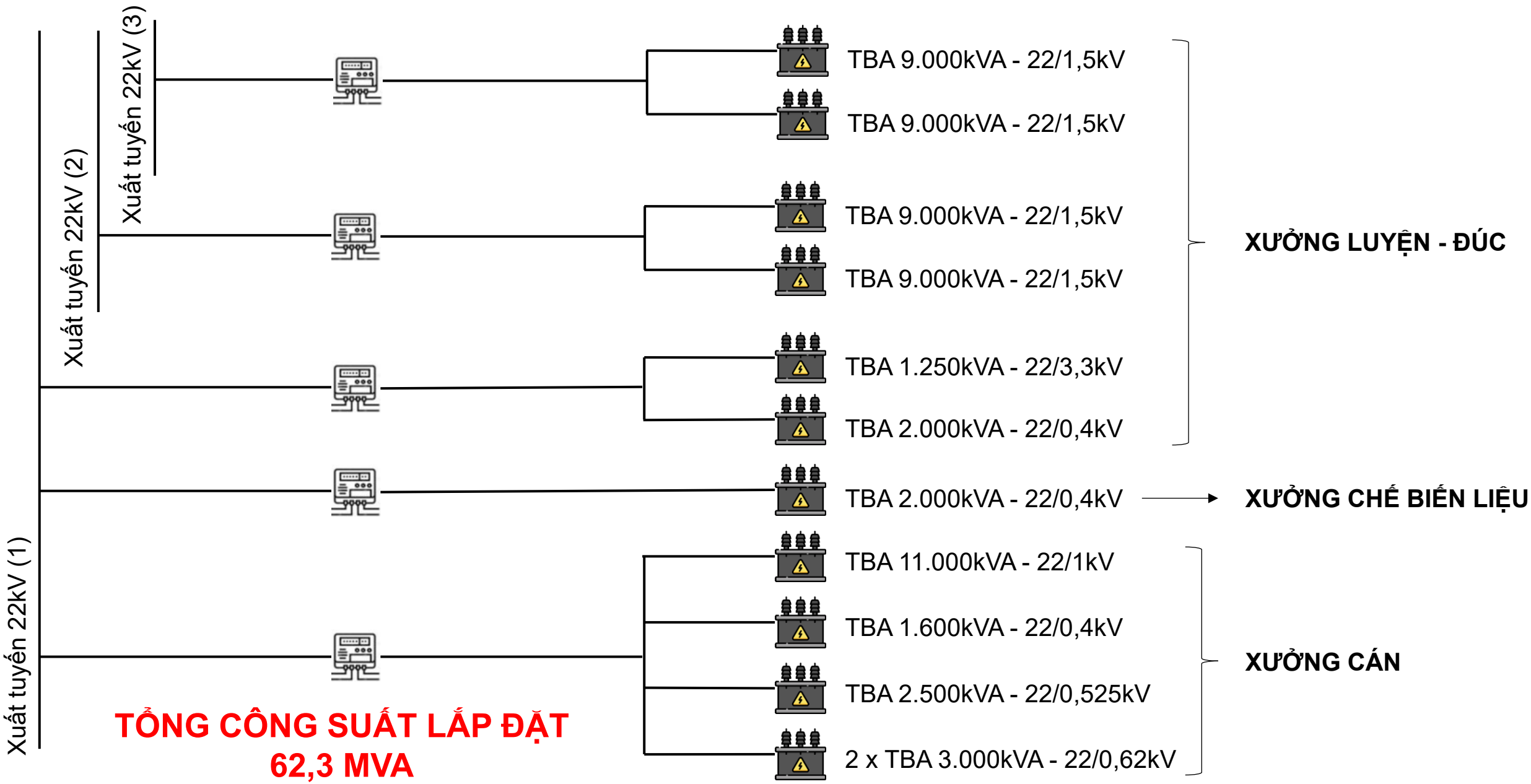
I. GIỚI THIỆU VỀ THÉP TÂY ĐÔ (TSC)

Quy trình sản xuất phôi thép



THÉP TÂY ĐÔ
THÉP ĐÃ TÔI THẾ ĐẤY
SINCE 1995

II. HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG



TỔNG CÔNG SUẤT LẮP ĐẶT
62,3 MVA

II. HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG

Bảng thống kê các phương tiện vận tải trong nhà máy

STT	Loại xe	Dung tích (m3)	Công suất (KW / RMP)	Tiêu hao nhiên liệu (Lít / giờ)
1	Hyundai 3000LC-7	1,2	164/1900	18,6
2	Hyundai 3000LC-7A	1,2	147/1900	20,4
3	Komatsu 200-3	0,7	88,3/2100	5,3
4	Caterpillar EL240B	1,2	112,5/2200	9,2
5	Hitachi EX200-5	0,7	98,4/1950	5,7
6	Kobelco SK350DLC-8	1,4	197/2100	14,7
7	Kobelco SK350DLC-9	1,4	213/2100	19,7
8	Kobelco SK220LC-3	0,9	123,4/2150	7,5
9	Caterpillar E200B	0,7	128/1800	8,6
10	Hitachi ZX200-5G	0,9	125/2100	8,6

II. HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG

Bảng thống kê các phương tiện vận tải trong nhà máy

STT	Loại xe	Dung tích (m3)	Công suất (KW / RMP)	Tiêu hao nhiên liệu (Lít / giờ)
11	Hitachi ZX200-5G	0,9	125/2100	9,9
12	Hitachi ZX240-5G	1,2	132/2150	11,5
13	Hitachi ZX240-5G	1,2	132/2150	11,9
14	Hyundai 3000LC-7	1,2	164/1900	8,5
15	Kobelco SK350DLC-10	1,6	200/2100	10,3
16	Solar 280LC-III	1,2	136,5/1900	8
17	Solar 50W-V	0,3	42/2400	8
18	Kobelco SK135SR-2	0,5	69,2/2000	11
19	Caterpillar 320 (Đã lắp động cơ điện)	0,7	105/1800	-

II. HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG

Bảng thống kê mức tiêu thụ nhiên liệu các năm gần đây

STT	Nhiên liệu	Đơn vị	2022	2023	2024
1	Điện	kWh	11.237.190	90.601.696	138.147.179
		TOE	1.734	13.980	21.316
2	LPG	Kg	-	9.237	31.986
		TOE	-	10	35
3	CNG	Tr.m3	2,46	1,68	-
		TOE	2.214	1.512	-
4	Dầu DO	Lít	34.836	267.255	454.000
		TOE	31	235	400
5	Xăng	Lít	20.000	20.000	77.815
		TOE	17	17	65
TỔNG (TOE)			**3.996**	**15.754**	**21.816**

III. KẾ HOẠCH CẢI THIỆN

1. Dùng toàn bộ đèn LED cho hệ thống chiếu sáng

2. Lắp biến tần cho các máy nén khí và bơm

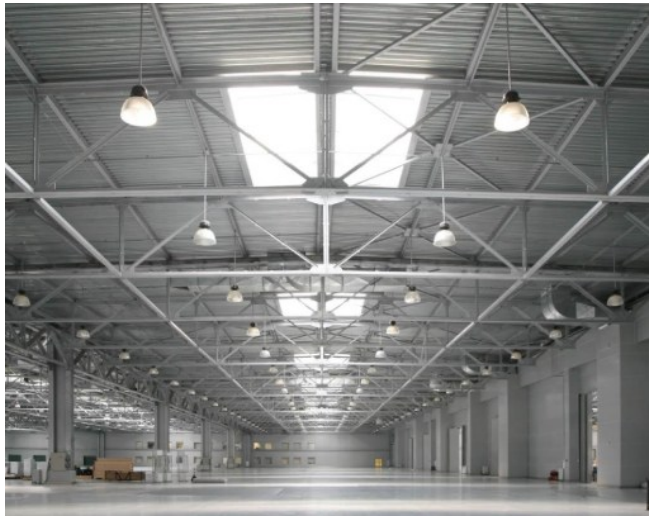
3. Chuyển đổi động cơ diesel sang động cơ điện

4. Lắp đặt hệ thống điện Năng lượng mặt trời áp mái

5. Đầu tư máy băm liệu để tăng chất lượng nguyên liệu đầu vào

III. KẾ HOẠCH CẢI THIỆN





1. Dùng toàn bộ đèn LED cho hệ thống chiếu sáng

- Ưu tiên sử dụng ánh sáng tự nhiên
- Sử dụng đèn LED cho văn phòng và nhà xưởng thay cho các loại đèn huỳnh quang, đèn cao áp,…
- Giảm tiêu thụ năng lượng: 144 MWh/năm
- Giảm phát thải: 95 tấn CO2e/năm

III. KẾ HOẠCH CẢI THIỆN

2. Lắp biến tần cho các máy nén khí và bơm

- Giảm tiêu thụ năng lượng: 72 MWh/năm
- Giảm phát thải: 47,5 tấn CO2e/năm



III. KẾ HOẠCH CẢI THIỆN

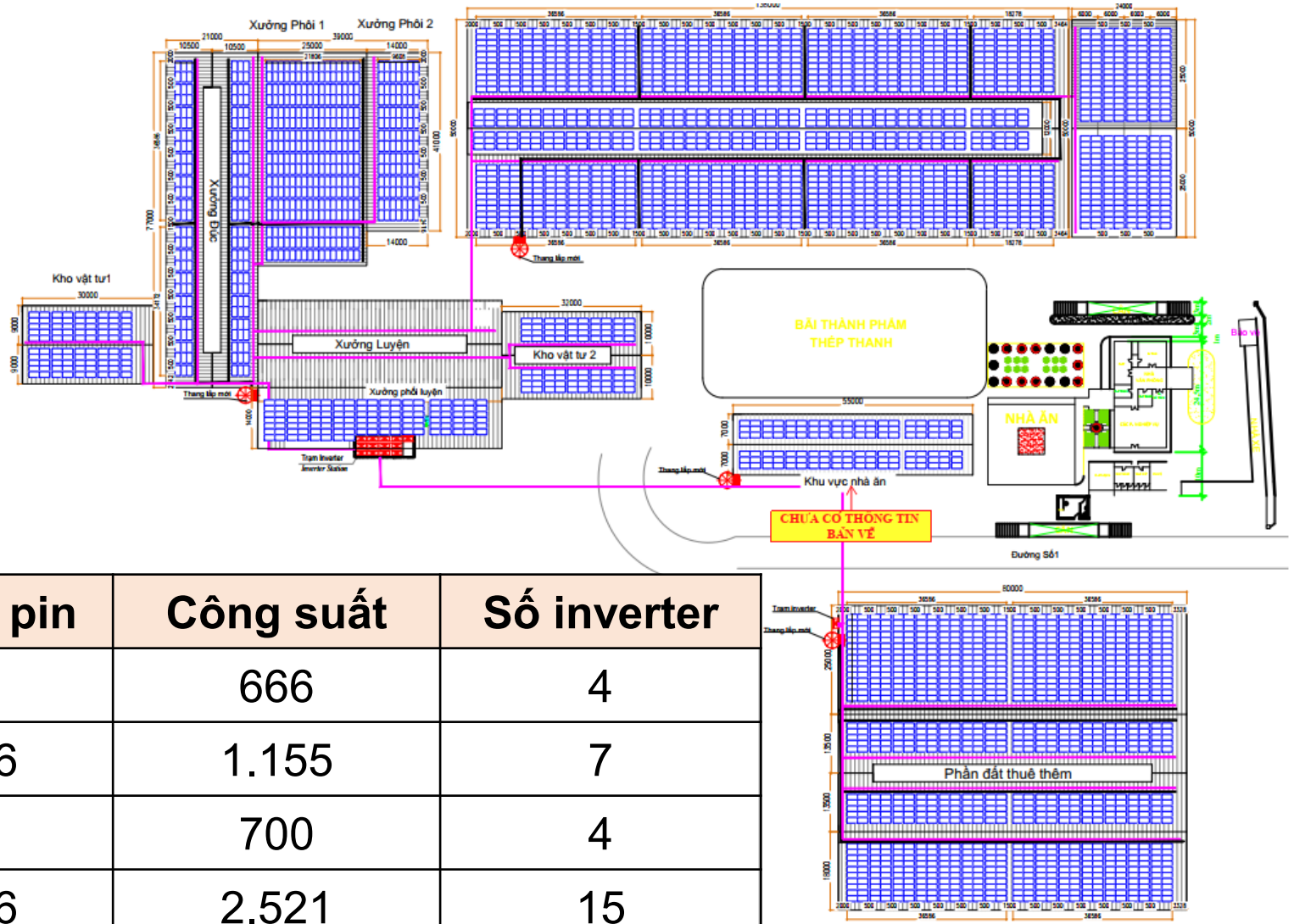
3. Chuyển đổi động cơ diesel sang động cơ điện



- Chuyển đổi các xe công trình từ động cơ diesel thành động cơ điện với công suất động cơ 132kW
- Giảm phát thải: 300 tấn CO2e/năm

III. KẾ HOẠCH CẢI THIỆN

4. Lắp đặt hệ thống điện Năng lượng mặt trời áp mái



Vị trí	Số tấm pin	Công suất	Số inverter
Luyện – Đúc	930	666	4
Cán	1.616	1.155	7
Chế biến liệu	980	700	4
TỔNG	3.526	2.521	15

III. KẾ HOẠCH CẢI THIỆN

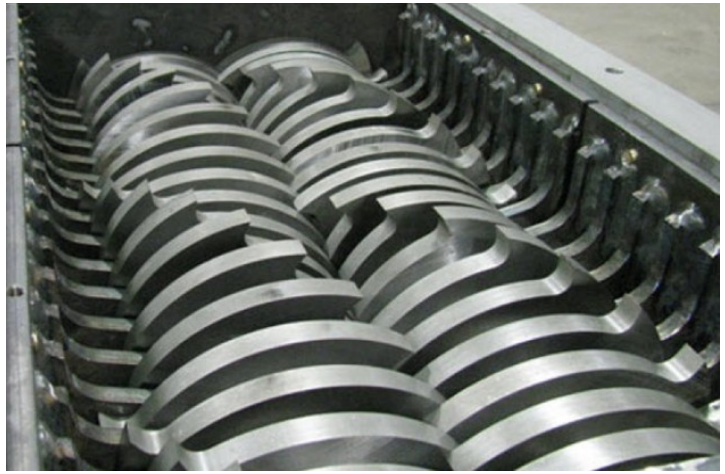
4. Lắp đặt hệ thống điện Năng lượng mặt trời áp mái

Tham số	Đơn vị	Giá trị
Tổng công suất điện mặt trời áp mái có thể lắp đặt	kWp	2.521
Sản lượng điện mặt trời dự kiến hàng năm	MWh/năm	2.948
Tổng tiêu thụ điện của nhà máy năm 2024	MWh/năm	138.000
Dự kiến tỉ lệ năng lượng tái tạo (RE) so với tổng tiêu thụ điện	%	2.14
Giá điện khung giờ CAO ĐIỂM của nhà máy	VNĐ/kWh	3.398
Giá điện khung giờ BÌNH THƯỜNG của nhà máy	VNĐ/kWh	1.833
Chiết khấu ước tính từ dự án	%	4
Chi phí tiết kiệm hằng năm từ dự án	Tr VNĐ/năm	238
Giảm phát thải khí nhà kính	tCO2e/năm	1.943

III. KẾ HOẠCH CẢI THIỆN

5. Đầu tư máy băm liệu để tăng chất lượng nguyên liệu đầu vào





- Đầu tư máy móc mới để băm nhỏ phế liệu đầu vào và kết hợp với một số cải tiến khác

=> **Giảm thời gian luyện: 110 phút -> 90 phút**

- Giảm tiêu thụ năng lượng 2%: 2.342 MWh/năm
- Giảm phát thải: 1.544 tấn CO2e/năm

III. KẾ HOẠCH CẢI THIỆN

Giảm tiêu thụ năng lượng	→	2 (%/năm)
Tiết kiệm chi phí	→	13 (tỉ VNĐ/năm)
Giảm phát thải	→	3.941 (4%) (tấn CO_2e/năm)

IV. VẤN ĐỀ CHƯA THỰC HIỆN ĐƯỢC

1. Sử dụng Máy biến áp, động cơ điện có hiệu suất cao (>94%)

- Giá thành có thể cao hơn từ 15 - 30% tùy vào công suất và công nghệ

=> Kéo dài thời gian hoàn vốn

2. Thu hồi nhiệt từ quá trình Luyện - Đúc - Cán

- Chi phí đầu tư ban đầu cao
- Tính ổn định của nguồn nhiệt thải
- Yêu cầu về bảo trì và vận hành hệ thống


Thank you